

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HS - ST
Ngày: 19-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Mạnh Hà

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 145/2020/HSST ngày 14 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2020/QĐXXST - HS ngày 25 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã V, huyện T, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 01/12; Con ông: Nguyễn Xuân H và con bà: Vũ Thị T; Có chồng: Nguyễn Tiến V; Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Bản án số 97/HSST ngày 07/6/2000 của TAND tỉnh P xử phạt Nguyễn Thị L 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”. Bị cáo đã chấp hành xong.

- Bản án số 31/ST ngày 30/8/2002 của TAND huyện L xử phạt Nguyễn Thị L 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 108/QĐ-XPVPHC ngày 13/4/2018 của Công an quận N, thành phố H xử phạt L 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. L chấp hành xong ngày 17/4/2018.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- Bị hại:

Chị Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Q, tỉnh B. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Q, tỉnh B. Vắng mặt.

- Những người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Q, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh B. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Quang D, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Q, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 02 tháng 10 năm 2020, Nguyễn Thị L đi xe khách từ nhà đến đền K, thuộc thôn B, xã H, thành phố C, tỉnh H để đi lễ. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, L đi đến khu vực ghi công đức của ban Công Đồng trong đền K thì thấy chị Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1997, trú tại thôn X, xã Đ, huyện Q, tỉnh B đang đi lễ ngay phía trước, một tay bê mâm lễ, sau lưng đeo một chiếc ba lô màu đen, kích thước (20x8x20)cm, trên đỉnh ba lô có khóa kéo bằng kim loại đang đóng. Quan sát thấy mọi người đi lễ đông, đứng sát nhau và không ai để ý nên L đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L dùng tay phải kéo mở khóa chiếc ba lô của chị P về một bên, rồi cầm chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng hồng, bản block, dung lượng 64Gb bên trong lắp sim số 037557999, ốp lưng điện thoại màu đen, có dây đeo bằng cao su màu đen là tài sản của chị P anh C ra khỏi ba lô của chị P. Sau khi lấy được điện thoại cùng ốp điện thoại có gắn dây đeo bằng cao su màu đen, L đang cầm trên tay thì bị chị P phát hiện, hô hoán mọi người bắt giữ L lại, thu giữ tang vật và trình báo lực lượng công an thành phố C.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 53 ngày 06/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố C kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng hồng, bản block, dung lượng 64Gb có giá trị là 14.000.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại màu đen có kích thước 16x8 cm, có giá trị là

100.000 đồng; 01 dây đeo điện thoại bằng cao su màu đen dài 20cm, có giá trị là 20.000 đồng; chi phí làm lại sim mạng Viettel, có giá trị 50.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 14.170.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 91/CT-VKSCL ngày 10/12/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh H đã truy tố Nguyễn Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1; 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo L cho UBND xã V, huyện T, thành phố H giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về án phí: Bị cáo L phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, VKSND thành phố C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 02 tháng 10 năm 2020, tại đền K, thuộc thôn B, xã

H, thành phố C, tỉnh H, Nguyễn Thị L có hành vi lợi dụng sơ hở của chị Nguyễn Thị Bích P lén lút chiếm đoạt của chị P anh C 01 điện thoại di động loại Iphone 11 Promax, màu vàng hồng, bản block, dung lượng 64Gb, bên trong lắp sim số 0375579999, bên ngoài có ốp điện thoại, gắn dây bằng cao su, tổng trị giá tài sản là 14.170.000 đồng. Vì vậy, đủ căn cứ xác định Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, lợi dụng thời điểm ở khu vực đèn K đông đúc, xung quanh không có người chú ý, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị P anh C với tổng trị giá tài sản là 14.700.000 đồng. Tuy vậy, khi lượng hình và áp dụng hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cân nhắc các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ sau: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có bố đẻ là liệt sĩ nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS. Mặc dù trước đây, bị cáo đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, bị xét xử nhưng nay đã được xóa án tích. Tại vụ án này, bị cáo nhất thời phạm tội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội lại thành khẩn khai báo, ăn năn, hối lỗi về hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành nhưng tài sản đã được trao trả lại bị hại ngay, không để lại hậu quả. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội vẫn có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố C tại phiên tòa.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã trao trả chị Nguyễn Thị Bích P 01 điện thoại di động loại Iphone 11 Promax, màu vàng hồng, bản block, dung lượng 64Gb, bên trong lắp sim số 0375579999, bên ngoài có ốp điện thoại, gắn dây bằng cao su nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Bích P đã nhận lại tài sản, chị P và anh C không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo L bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1; 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 15 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lan cho UBND xã V, huyện T, thành phố H giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

2. Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- VKSND tỉnh H;
- Chi cục THADS TP C;
- Công an thành phố C;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương